

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66A/2024/HS-PT

Ngày: 18/6/2024

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Tân

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hải Bằng và bà Vũ Thị Yên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Lê Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2024/TLPT-HS ngày 22 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo **Trần Đình P**, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

**- Bị cáo kháng cáo:**

Họ và tên: **Trần Đình P**, sinh năm 1996; nơi sinh và nơi cư trú: **Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc Kinh; Giới tính Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông **Trần Đình T** và bà **Vũ Thị N**; có vợ là **Lê Thị Y** và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/12/2023 đến nay. *Có mặt*

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Bà **Nguyễn Thị T1** – Luật sư - **Công ty L1-Đoàn Luật sư T7**; Địa chỉ: **Số A, tổ A, ngõ F đường N, phường G, quận L, TP Hà Nội**. *Có mặt.*

Ông **Trần Xuân K** – **Văn phòng L2-Đoàn Luật sư thành phố T7**. *Có mặt.*

**- Bị hại:** Anh **Mạc Văn T2**, sinh năm 1988. *Đã chết.*

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị **Lê Thị T3**, sinh năm 1990. Địa chỉ: **Thôn A, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương**. *Có mặt.*

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ **Công ty cổ phần Đ** Hải Dương. Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Duy H** – Chức vụ: Tổng giám đốc. *Vắng mặt.*

+ Ông Nguyễn Huy V, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương đồng thời là Người được ủy quyền của Công ty cổ phần Đ Hải Dương. Có mặt.

+ Ông Mạc Văn C, sinh năm 1961(vắng mặt) và bà Vũ Thị T4, sinh năm 1962 (có mặt). Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng:

+ Ông Mạc Văn S, sinh năm 1972; Thôn A, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

+ Ông Trần Đình T, sinh năm 1961, ông Trần Đình L, sinh năm 1964, đều có mặt. Anh Lương Quang K1, sinh năm 1994, ông Lương Bình M, sinh năm 1970, anh Trần Đình D, sinh năm 1992 đều vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 20/5/2023, Nguyễn Huy V điều khiển xe ô tô 07 chỗ biển kiểm soát 34A-313.48 của Công ty cổ phần Đ trên đường liên xã theo hướng từ xã H đi xã T và Quốc lộ C. Khi đi đến ngã tư thuộc địa phận thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương, là đoạn đường thẳng, mặt đường trải nhựa asphalt tương đối bằng phẳng rộng 7m, phía bên phải đường hướng UBND xã H đi quốc lộ C, trên lề đường có biển cảnh báo giao nhau với đường không ưu tiên, tiếp đến là lối mở đi vào chợ R xã T rộng 14m90, phía bên trái đường hướng UBND xã H đi Quốc lộ C có lối mở đi ra cánh đồng thôn T rộng 16m. Văn quan sát phía trước không có xe ngược chiều và quan sát qua gương chiếu hậu không thấy phương tiện giao thông phía sau nên điều khiển xe chuyển hướng rẽ phải vào đường đi chợ R.

Cùng thời điểm trên, Trần Đình P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 34B2- 887.21 chở anh Mạc Văn T2 theo hướng UBND xã H đi Quốc lộ C với tốc độ khoảng từ 56,25km/h đến 67,56km/h đến đoạn đường phía trước có biển cảnh báo nguy hiểm “giao nhau với đường không ưu tiên”, P không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn mà vẫn điều khiển xe đi thẳng. Lúc này, xe anh V đang chuyển hướng rẽ phải, P vẫn tiếp tục vượt lên phía trước về phía bên phải của xe ô tô, dẫn đến xảy ra va chạm giữa phần tai xe bên phải xe ô tô do V điều khiển với phần giữa thân xe mô tô do P điều khiển. Xe mô tô cùng P và anh T2 bị văng ra phía trước và đổ xuống đường. Hậu quả: Anh T2 tử vong, P bị thương được đưa đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh H; xe ô tô và xe mô tô bị hư hỏng.

Kết quả kiểm tra xác định: Trong máu của P có nồng độ cồn là 189,6mg/dL. Đối với anh V: Không có nồng độ cồn trong hơi thở.



Kết luận giám định pháp y về tử thi số 131 ngày 30/5/2023 của Phòng K2 Công an tỉnh H kết luận: Nguyên nhân chết của anh Mạc Văn T2 là đa chấn thương (chấn thương ngực kín, gãy nhiều xương sườn, vết thương thông khoang bụng, thùy gan phải vỡ phức tạp).

Kết luận giám định số 302/KLTTCT ngày 14/9/2023 của Trung tâm pháp y- Sở y tế tỉnh H đối với Trần Đình P, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Trần Đình P tại thời điểm giám định là 46%.

Kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 09/8/2023 của Ủy ban nhân dân huyện N, kết luận: Xe ô tô biển kiểm soát 34A-313.48 bị hư hỏng giá trị tài sản là 1.100.000 đồng; xe mô tô biển kiểm soát 34B2-887.21 bị hư hỏng giá trị tài sản là 1.218.000 đồng.

Kết luận giám định số 4254/KL-KTHS ngày 13/9/2023 của V1 Bộ C1 Kết luận 03 video clip thu giữ tại hiện trường vụ tai nạn giao thông không có dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung. Tốc độ xe mô tô trước khi xảy ra va chạm với xe ô tô là trong khoảng 56,25km/h đến 67,56km/h

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương đã căn cứ điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Đình P 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/12/2023 về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 19/4/2024 bị cáo Trần Đình P kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị cáo thừa nhận và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin lỗi gia đình bị hại. Trong thời gian tạm giam đã tích cực tác động để gia đình bồi thường cho gia đình bị hại và đã thực hiện xong việc bồi thường, do vậy đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh V và đề nghị xem xét việc bồi thường thiệt hại của anh V đối với bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh V và việc bồi thường thiệt hại của anh V đối với P. Bị cáo đã tích cực tác động để gia đình bồi thường xong cho gia đình bị hại nên đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Đại diện hợp pháp của bị hại khai: Sau khi xét xử sơ thẩm, gia đình bị cáo P đã đến gia đình bị hại và hai bên thống nhất thỏa thuận bồi thường số tiền cấp dưỡng cho ba người con của bị hại một lần với tổng số tiền 114.000.000đ, do vậy việc bồi thường đã thực hiện xong. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Đối với việc bồi thường của anh V, gia đình bị hại đã nhận đủ 190.000.000đ nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Ông Trần Đình T khai: Gia đình thỏa thuận bồi thường xong với đại diện gia đình bị hại với số tiền 114.000.000đ. Đồng thời cung cấp 01 đơn đề nghị, các



bản sao Huân, huy chương của ông và bác của bị cáo. Do vậy đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Anh **Nguyễn Huy V** khai: Việc gây tai nạn giao thông là lỗi vô ý không ai mong muốn, song bản thân anh đã bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho gia đình anh **T2**, đối với thiệt hại của **P**, trong quá trình điều tra, anh và gia đình ông **T** và bị cáo đã thỏa thuận hỗ trợ bồi thường 20.000.000đ hai bên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Tại phiên tòa bị cáo **P** đề nghị bồi thường nên anh không chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **P**; giữ nguyên hình phạt tại bản án sơ thẩm đối với bị cáo **P**. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo **Trần Đình P** trong thời hạn luật định, là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại cấp sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ khác được thẩm tra công khai tại phiên tòa. HĐXX có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 20/5/2023, **Nguyễn Huy V** điều khiển xe ô tô 07 chỗ biển kiểm soát 34A-313.48 của **Công ty cổ phần Đ** trên đường liên xã theo hướng từ **xã H đi xã T và Quốc lộ C**. Khi đi đến đoạn ngã tư thuộc địa phận **thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương**, **V** điều khiển xe chuyển hướng rẽ phải vào đường đi **chợ R**. Cùng thời điểm trên, **Trần Đình P** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 34B2- 887.21 chở anh **Mạc Văn T2** theo hướng **UBND xã H đi Quốc lộ C** với tốc độ khoảng từ 56,25km/h đến 67,56km/h đến đoạn đường phía trước có biển cảnh báo nguy hiểm “giao nhau với đường không ưu tiên”, **P** không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn mà vẫn điều khiển xe đi thẳng. Lúc này, xe anh **V** đang chuyển hướng rẽ phải, **P** vẫn tiếp tục vượt lên phía trước về phía bên phải của xe ô tô, dẫn đến xảy ra va chạm giữa phần tai xe bên phải xe ô tô do **V** điều khiển với phần giữa thân xe mô tô do **P** điều khiển. Xe mô tô cùng **P** và anh **T2** bị văng ra phía trước và đổ xuống đường. Hậu quả: Anh **T2** tử vong, **P** bị thương với tỉ lệ tổn thương cơ thể là 46%; xe ô tô và xe mô tô bị hư hỏng. Kết quả kiểm tra xác định: Trong máu của **P** có nồng độ cồn là 189,6mg/dL. Đối với **V**: Không có nồng độ cồn trong hơi thở. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo **Trần Đình P** phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” điểm b khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự là có căn cứ. Về tội danh bị cáo không kháng cáo nên HĐXX không xem xét.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, HĐXX xét thấy:



[3.1] Về nội dung bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm của ông **Nguyễn Huy V**. Xét thấy trong vụ án này, anh **Nguyễn Huy V** cũng có một phần lỗi vì thực hiện hành vi chuyển hướng xe ô tô chưa đảm bảo an toàn, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ. Cơ quan Cảnh sát điều tra – **Công an huyện N** đã khởi tố bị can đối với anh **V**. Tuy nhiên anh **V** thực hiện hành vi phạm tội với lỗi vô ý, tại giai đoạn điều tra, đại diện gia đình anh **T2** và bản thân bị cáo **P** đã nhận được bồi thường đầy đủ và đều có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự đối với anh **V** nên Cơ quan điều tra đã Đình chỉ khởi tố bị can đối với anh **V** là phù hợp với Điều 29 của Bộ luật hình sự. Gia đình bị hại và bản thân **P** không có khiếu nại gì. Trong phạm vi xét xử tại cấp sơ thẩm không xem xét xử lý đối với anh **V** là đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh **V**, tuy nhiên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm nên HĐXX không xem xét.

[3.4] Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. HĐXX xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đã bồi thường cho gia đình anh **T2** số tiền 6.000.000đồng và được gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra bị cáo có bố đẻ là ông **Trần Đình T** được Đảng bộ **huyện N**, Ủy ban nhân dân huyện **N** và Đảng bộ **xã T** tặng Giấy khen. Cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và xử bị cáo **P** 03 (ba) năm tù là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm gia đình bị hại và gia đình bị cáo đã thỏa thuận bồi thường số tiền là 114.000.000đ và đã trả, nhận tiền xong. Gia đình bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Ngoài ra gia đình bị cáo nộp các tài liệu chứng cứ mới như các bản sao Huân, huy chương của ông, bác bị cáo. HĐXX áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Từ phân tích trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt, áp dụng điều 54 của Bộ luật hình sự, quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo.

[3.2] Về trách nhiệm dân sự, xét thấy mức bồi thường thiệt hại Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, bị cáo **Trần Đình P** và gia đình bị hại đã thỏa thuận tại phiên tòa, bị cáo phải cấp dưỡng một lần cho ba người con của anh **Mạc Văn T2** và chị **Lê Thị T3** là **Mạc Văn T5**, sinh ngày 15/02/2013, **Mạc Thị T6**, sinh ngày 26/6/2015 và **Mạc Văn H1**, sinh ngày 21/6/2017 do chị **T3** nhận số tiền 144.000.000đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu đồng). Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm gia đình bị cáo và bị hại đã thỏa thuận bồi thường số tiền là 114.000.000đ hai bên đã giao nhận tiền xong, do vậy không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[3.3]. Về nội dung kháng cáo yêu cầu ông **Nguyễn Huy V** bồi thường cho **P** tiền chi phí cứu chữa là 140.370.572đồng; tiền bồi dưỡng sức khỏe là 4.160.000đồng; tiền phục hồi sức khỏe là 6.670.000đồng; tiền mất thu nhập của **P** tính từ ngày 20/5/2023 đến nay với mức là 9.500.000đồng/tháng; Chi phí cho



người chăm sóc **P** là ông **T** mỗi ngày 200.000đồng, thời gian là 50 ngày. Tiền tổn thất tinh thần là 90.000.000 đồng. HĐXX xét thấy: Tại cấp sơ thẩm anh **V** hỗ trợ bồi thường cho **P** 20.000.000đồng, giữa **P** và anh **V** không đề nghị giải quyết về trách nhiệm dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo **P** mới đưa ra các yêu cầu bồi thường nhưng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu nêu trên tại phiên tòa, cấp sơ thẩm đã tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi bị cáo có yêu cầu là phù hợp. Do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Trong vụ án này, người bị hại là anh **Mạc Văn T2** chết, nhưng cấp sơ thẩm không đưa 03 người con của anh **T2** là **Mạc Văn T5**, **Mạc Thị T6**, **Mạc Văn H1** tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hợp pháp cho bị hại là thiếu. Hậu quả xảy ra có cả phần lỗi của anh **V** và lỗi của bị cáo **P**, tuy nhiên phân trách nhiệm dân sự cấp sơ thẩm không tuyên liên đới bồi thường thiệt hại là không đúng quy định tại Điều 587 của Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm giữa bị cáo và gia đình bị hại đã thống nhất thỏa thuận việc bị cáo cấp dưỡng một lần cho 03 người con của anh **T2** với số tiền là 150.000.000đ đã bồi thường 6.000.000đ còn bồi thường tiếp 144.000.000đ, nhưng cấp sơ thẩm không ghi nhận sự tự thỏa thuận trên mà tuyên Buộc bị cáo phải bồi thường là không đúng diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm. Chiếc xe ô tô thuộc quyền sở hữu của **Công ty cổ phần Đ** nhưng cấp sơ thẩm không làm rõ trách nhiệm của chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ để xem xét việc bồi thường thiệt hại. Tại phiên tòa phúc thẩm đã khắc phục được một số lỗi trên, gia đình bị hại cũng đã nhận đủ tiền bồi thường trước khi xét xử phúc thẩm nên không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự, do vậy không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án. Các sai sót trên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo **P** được chấp nhận nên không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm. Về án phí sơ thẩm: Bản án sơ thẩm buộc bị cáo phải cấp dưỡng một lần cho các con bị hại với số tiền còn lại là 144.000.000đ trường hợp này bị cáo chỉ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, nhưng cấp sơ thẩm tính án phí theo giá ngạch và buộc bị cáo chịu số tiền án phí là 7.200.000đ là không đúng quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án, gây thiệt hại cho bị cáo. Mặc dù nội dung về án phí không có kháng cáo, kháng nghị, nhưng để có lợi cho bị cáo, HĐXX căn cứ Điều 345, điểm b khoản 1 Điều 355 của BLTTDS sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1.Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trần Đình P**. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 18/2024/HS-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt và phần án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về phần hình phạt.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Đình P 33** (ba mươi ba) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 13/12/2023.

3. Về án phí: khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo **Trần Đình P** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo **Trần Đình P** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Nam Sách;
- CQCSĐT, CQTHAHS, CQHSSNV - Công an huyện Nam Sách;
- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục huyện Nam Sách;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Tòa; lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Minh Tân**